

Bản án số: 102/2025/DS-ST
Ngày: 28-4-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Đặng Thị Nữa

2/ Ông Đinh Thanh Sơn

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Anh Đào – Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 373/2024/TLST-DS ngày 24 tháng 12 năm 2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần S

Địa chỉ trụ sở: 266-268 N, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là: Ông Nguyễn Đình L, sinh năm: 1998; hộ khẩu thường trú: Tổ B, khu B, Thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Nai; địa chỉ liên lạc: B N (lầu E), phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo văn bản ủy quyền số 5993/2024/UQ-TGD ngày 28/8/2024) (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thu Q, sinh năm: 1992; Địa chỉ: B đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 14/10/2024 và bản tự khai nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần S (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do ông Nguyễn Đình L đại diện trình bày

Ngày 03/8/2021, bà Nguyễn Thị Thu Q có ký Hợp đồng sử dụng Thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng và bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng) với Ngân hàng. Theo hợp đồng tín dụng thì hạn mức tín dụng mà Ngân hàng cấp cho bà Q là 10.000.000 đồng, lãi suất là 2,6%/ tháng. Lãi được tính trên từng giao dịch phát sinh theo từng ngày và theo lãi suất Ngân hàng áp dụng vào từng thời điểm khác nhau (Điều 22 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng). Bà Q còn phải chịu các khoản phí theo quy định trong Điều 24 của Bản Điều khoản và Điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà Q đã thực hiện các giao dịch với tổng số tiền là 15.740.381 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền 7.886.500 đồng (chi tiết các lần thanh toán trong bảng sao kê tóm tắt đính kèm).

Từ tháng 9/2022, bà Q ngưng không thanh toán cho Ngân hàng. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên ngày 11/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ và chuyển toàn bộ dư nợ gốc là: 12.660.839 đồng sang nợ quá hạn.

Tính đến ngày 28/4/2025, bà Q còn nợ Ngân hàng như sau: nợ gốc là 12.660.839 đồng và tiền lãi quá hạn là 14.813.100 đồng. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Q thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền gốc và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 27.473.939đ (Hai mươi bảy triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà Nguyễn Thị Thu Q còn phải chịu lãi phát sinh kể từ ngày 29/4/2025 cho đến khi trả hết nợ theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng.

- Tại bản tự khai ngày 04/4/2025 Bị đơn bà Nguyễn Thị Thu Q trình bày:

Tháng 8/2021, do có nhu cầu mở thẻ tín dụng để tiêu dùng cá nhân nên bà có mở 01 thẻ tín dụng tại Ngân hàng TMCP S và được cấp hạn mức tín dụng là 10.000.000đ (mười triệu đồng).

Theo thỏa thuận ký kết giữa hai bên thì lãi suất cho vay là 2,6%/tháng. Sau khi được cấp thẻ tín dụng, bà đã nhiều lần thực hiện giao dịch thẻ và cũng có thanh toán cho Ngân hàng. Do bà làm công nhân, thu nhập thấp nên tháng 9/2022 bà không có khả năng thanh toán tiếp cho Ngân hàng. Tháng 11/2022 bà bị mất ví tiền và thẻ tín dụng cũng bị mất, sau đó bà cũng quên mất việc phải thanh toán cho Ngân hàng. Do thời gian quá lâu nên bà không nhớ số tiền nợ gốc là bao nhiêu. Nay được biết Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà trả nợ gốc là 12.660.839 đồng và tiền lãi thì bà xác nhận còn nợ Ngân hàng tiền nợ gốc và tiền lãi theo bảng tính chi tiết tiền gốc, lãi mà Ngân hàng cung cấp cho Tòa án ngày 04/4/2025. Riêng phần tiền lãi, bà đề nghị Ngân hàng giảm lãi cho bà để bà có khả năng trả nợ cho Ngân hàng.

Nay hoàn cảnh khó khăn vì vậy bà chỉ có khả năng trả cho Ngân hàng mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng) cho đến khi hết nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định tại Điều 70,71,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí: đương sự nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Ngân hàng Thương mại cổ phần S khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu Q phải thanh toán tiền gốc và tiền lãi phát sinh đối với khoản vay từ việc sử dụng thẻ tín dụng theo giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2021. Đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 6 theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Đình L là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn và bị đơn là bà Nguyễn Thị Thu Q có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Vào ngày 03/8/2021, Ngân hàng Thương mại cổ phần S và bà Nguyễn Thị Thu Q có ký kết hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng), Ngân hàng đã phê duyệt hạn mức tín dụng cho bà Q là 10.000.000 đồng. Theo chứng cứ bảng sao kê mà Ngân hàng cung cấp thì từ khi kích hoạt sử dụng thẻ tín dụng bà Q đã thực hiện giao dịch với số tiền là: 15.740.381 đồng và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền là 7.886.500 đồng. Do bà Q vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 2 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng nên ngày 11/11/2022 Ngân hàng đã chấm dứt quyền sử dụng thẻ chuyển toàn bộ dư nợ còn thiếu là 12.660.839 đồng sang nợ quá hạn theo quy định tại Điều 23 của Bản điều khoản và điều kiện phát hành sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng.

Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Thu Q phải thanh toán nợ gốc là 12.660.839 đồng và lãi quá hạn: 14.813.100 đồng. Tổng cộng là: 27.473.939 đồng (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) là có cơ sở chấp nhận.

Tại biên bản hòa giải thành ngày 04/4/2025 ông L đại diện cho Ngân hàng TMCP S đồng ý cho bà Q thanh toán tiền vốn và tiền lãi còn thiếu cho Ngân hàng trong thời hạn 03 tháng. Tuy nhiên, ngày 08/4/2025 ông L đại diện cho Ngân hàng TMCP S có đơn thay đổi ý kiến yêu cầu bà Q phải thanh toán toàn bộ tiền vốn và tiền lãi còn thiếu cho Ngân hàng làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực

pháp luật.

Vì vậy, buộc bà Nguyễn Thị Thu Q trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 27.473.939 đồng (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

[3] Án phí dân sự sơ thẩm là: 1.373.696 đồng do bà Nguyễn Thị Thu Q nộp. Do bà Q thuộc hộ cận nghèo (theo giấy xác nhận số 130/GXN-UBND ngày 21/02/2025 của Ủy ban nhân dân Phường A, Quận F) nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án bà Q được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần S không phải nộp án phí, trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 565.463 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi ba đồng)

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015; Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010; Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng N quy định về hoạt động cho vay của Tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S:

1/ Buộc bà Nguyễn Thị Thu Q thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần S số tiền vốn và tiền lãi của khoản vay theo Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kèm hợp đồng ngày 03/8/2021; Bản điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần S với tổng số tiền vốn và lãi tạm tính đến ngày 28/4/2025 là: 27.473.939 đồng (Hai mươi bảy triệu, bốn trăm bảy mươi ba ngàn, chín trăm ba mươi chín đồng) trong đó: nợ gốc là 12.660.839 đồng và lãi quá hạn: 14.813.100 đồng.

2/ Thời hạn thanh toán: thanh toán kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật .

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

3/Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị Thu Q được miễn nộp tiền án phí

- Ngân hàng Thương mại cổ phần S không phải nộp án phí, trả lại Ngân hàng Thương mại Cổ phần S cho số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 565.463 đồng (Năm trăm sáu mươi lăm ngàn bốn trăm sáu mươi ba đồng) theo biên lai thu số 0010551 ngày 19/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6.

4/Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5/ Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a,7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn